TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **860**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2020
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Diệu Hoa
2. Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 500/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 581/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1971; *(Có mặt)*
Hộ khẩu thường trú: số 14/5, đường L, phường P, quận K, Thành phố H.
Chỗ ở: Phòng 903, Lô C Chung cư I - số 262/13, đường L, phường H, quận K, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Kim Đ, sinh năm 1971; *(Vắng mặt)*
Hộ khẩu thường trú: số 14/5, đường L, phường P, quận K, Thành phố H.
Chỗ ở: số 49/16, đường T, phường H, quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà và ông Hoàng Kim Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 10 ngày 24/7/1997 do Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp. Quá trình chung sống, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Từ cuối năm 2018, ông Đ thường có hành vi sử dụng vũ lực, đánh đập và xúc phạm bà không kể trong nhà hay ở nơi công cộng làm bà cảm thấy rất xấu hổ, không dám nhìn mặt ai. Bà đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng nay các con đã lớn nên bà kiên quyết xin ly

hôn. Hai bên đã sống ly thân từ 2018, dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Tháng 3/2020 bà dọn ra ở riêng cho đến nay để tránh ông Đ tiếp tục ghen tuông vô cớ và xúc phạm bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Kim Tiến Đ, sinh ngày 02/6/1998 và Hoàng Kim Khánh L, sinh ngày 24/8/2002. Do các con chung đều đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc, hòa giải tại Tòa án, bị đơn ông Hoàng Kim Đ trình bày:

Ông Đ xác nhận thời gian chung sống và kết hôn như bà B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận do nóng tính, thiếu kềm chế nên ông có 02 lần đánh vợ nhưng sau đó đã cố gắng thay đổi tính tình nhưng vợ không thể bỏ qua. Tháng 3/2020 do xảy ra mâu thuẫn nên bà B dọn ra sống riêng cho đến nay, ông nhiều lần nhắn tin hỏi thăm và rất muốn gặp vợ nhưng vợ không trả lời, do đó đến nay ông xác nhận mình cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Đ chỉ mong bà B theo thời gian sẽ thay đổi ý kiến để vợ chồng đoàn tụ. Do đó ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Kim Tiến Đ, sinh ngày 02/6/1998 và Hoàng Kim Khánh L, sinh ngày 24/8/2002. Nếu phải ly hôn, ông Đ không có yêu cầu về con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông yêu cầu tự thỏa thuận.

Tòa án nhân dân quận K đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Hoàng Kim Đ.

- Bị đơn ông Hoàng Kim Đ vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị B và ông Hoàng Kim Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa bà B và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa 2 người phát sinh mâu thuẫn, bà B yêu cầu ly hôn, ông Đ dùng vũ lực và xúc phạm bà dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Bà B xác nhận hết tình cảm với ông

Đ, muốn được ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu. Ông Đ vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà B là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ Đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Hoàng Kim Đ hiện đang cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận K tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Kim Đ.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị B và ông Hoàng Kim Đ chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ giữa bà B và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà B và ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cải vã nhau. Mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Bà B trình bày vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì các con nên bà vẫn cố gắng duy trì cuộc sống vợ chồng, nhưng đến nay các con chung đều đã trưởng thành nên bà kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Bản thân ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng không có phương hướng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc ông Đ đến tòa tham gia các phiên hòa giải nhưng tự ý bỏ ra về không lý do và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử lần 1 và lần 2 cho thấy ông Đ không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của mình. Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông Đ là có thật, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà B và ông Đ là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

- *Về con chung:* Bà B và ông Đ có 02 con chung là Hoàng Kim Tiến Đ, sinh ngày 02/6/1998 và Hoàng Kim Khánh L, sinh ngày 24/8/2002. Do các con chung đã trưởng thành nên hai bên không đề cập.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà B và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B được ly hôn với ông Hoàng Kim Đ.

Quan hệ hôn nhân của bà B và ông Đ chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 10 ngày 24/7/1997 do Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cấp cho bà B và ông Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung là Hoàng Kim Tiến Đ, sinh ngày 02/6/1998 và Hoàng Kim Khánh L, sinh ngày 24/8/2002. Do các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020721 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông Hoàng Kim Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thùy Trang